

Bản án số: 23 /2024/DS - PT
Ngày 08 tháng 5 năm 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu H

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Vũ;

Bà Điều Thị B Lược.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Tôn Thị T Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 03/2024/TL-DSPT ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS - ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2024/QĐXX - PT ngày 11 tháng 3 năm 2024 và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 15C, khu 2B, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hồ Văn P, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 148, phố M, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1963; địa chỉ: Ngõ 3635 đường Hùng Vương, tổ 10, khu 1B, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh S– Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng TH; địa chỉ: Khu 12B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

2. Bà Tạ Thị T (Là vợ ông S); địa chỉ: Khu 12B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

3. Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu 3, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Ông B, ông T, ông P có mặt. Ông S, bà T có đơn xét xử vắng mặt. Chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn là vợ chồng Nguyễn Trọng B và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Hồ Văn P đều trình bày như sau: Từ năm 2015 đến năm 2016, ông Bùi Thanh T 03 lần

vay tiền của ông Nguyễn Trọng B, với tổng số tiền gốc là: 1.330.000.000 đồng; cụ thể, ngày 25/11/2015 ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 01/12/2015 ông T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 23/6/2016 ông T vay số tiền 230.000.000 đồng. Các lần vay tiền ông T đều viết giấy biên nhận vay tiền; theo nội dung của giấy vay tiền thì hai bên không có cam kết với nhau về thời gian trả nợ, lãi suất theo thỏa thuận, hình thức vay là tín chấp. Sau đó, ông T đã trả được cho ông B số tiền là: 239.000.000 đồng. Trong đó, ông T trả bằng tiền mặt số tiền là: 150.000.000 đồng. Bao gồm: 100.000.000 đồng trả vào ngày 17/8/2018 còn 50.000.000 đồng trả tại quán Cà phê, không nhớ ngày ông T trả; còn lại số tiền là: 89.000.000 đồng, ông T trả bằng hình thức chuyển vào số tài khoản 42810000009402 của ông B tại Ngân hàng BIDV. Trong đó, ông T đứng tên trả một lần số tiền là: 20.000.000 đồng chuyển khoản vào ngày 01/11/2019, còn lại số tiền mà đứng tên người khác trả thì ông B không nhớ, vì thời gian đã lâu. Nay ông B khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả số tiền gốc tổng còn nợ là: **1.091.000.000** đồng và lãi suất được tính như sau:

- Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng, ông T đã trả được số tiền là: 239.000.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là: 761.000.000 đồng; nay yêu cầu ông T phải trả số tiền vay gốc là: 761.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 29/9/2023, là 60 tháng 28 ngày, với mức tính lãi suất là 0,83%/1 tháng, cụ thể: $761.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 60 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 384.873.200 \text{ đồng}$;

- Khoản vay 100.000.000 đồng, ông T chưa trả được đồng nào; nên yêu cầu ông T phải trả số tiền vay gốc là: 100.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vay 25/11/2015 đến ngày 29/9/2023, là 96 tháng, với mức tính lãi suất là 0,83%/1 tháng, cụ thể: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 96 \text{ tháng} = 78.020.000 \text{ đồng}$;

- Khoản vay 230.000.000 đồng, ông T chưa trả được đồng nào; nên yêu cầu ông T phải trả số tiền vay gốc là: 230.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vay 23/9/2016 đến ngày 29/9/2023, là 87 tháng, với mức tính lãi suất là 0,83%/1 tháng, cụ thể: $230.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 87 \text{ tháng} = 166.083.000 \text{ đồng}$;

Như vậy, tổng số tiền lãi là: **628.976.200** đồng;

Tổng cộng gốc và lãi yêu cầu ông T phải trả là: **1.719.976.200** đồng.

** Phía bị đơn là ông Bùi Thanh T trình bày như sau:* Ông Bùi Thanh T không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B, ông T chỉ thừa nhận có vay tiền của ông Nguyễn Trọng B 02 khoản như sau:

- Ngày 25/11/2015 ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, đây là khoản tiền vay của ông T.

- Ngày 01/12/2015 ông T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, nhưng ông T cho rằng đây là khoản tiền vay hộ Công ty CP xây dựng TH, do ông Nguyễn T Slàm Giám đốc công ty.

Tổng cộng là 1.100.000.000 đồng, nhưng ông T đã trả xong toàn bộ số tiền vay gốc 1.100.000.000 đồng và lãi cho ông B bằng hình thức như sau:

- Ngày 02/12/2016, chị Tạ Thị T, là vợ ông Nguyễn Thanh S, Giám đốc công ty TH trả chuyển vào số tài khoản: 42810000009402 của ông B tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hùng Vương số tiền là: 50.000.000 đồng;

- Ngày 10/3/2017, chị Lê Thị Thu H, là cháu ông T trả chuyển vào số tài khoản: 42810000009402 của ông B tại Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hùng Vương số tiền là: 290.000.000 đồng;

- Ngày 04/8/2017, ông T trả chuyển vào số tài khoản: 42810000009402 của

ông B tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hùng Vương số tiền là: 100.000.000 đồng;

- Ngày 25/8/2017, ông T trả chuyển vào số tài khoản: 42810000009402 của ông B tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hùng Vương số tiền là: 170.000.000 đồng;

- Ngày 01/11/2019, ông T trả vào số tài khoản: 42810000009402 của ông B tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hùng Vương số tiền là: 20.000.000 đồng;

- Ngày 17/8/2018, ông T trả trực tiếp cho ông B số tiền là: 100.000.000 đồng và trả 50.000.000 đồng tại quán Cà phê (ông T không nhớ cụ thể ngày trả).

Ngoài ra, Công ty cổ phần xây dựng TH, do ông Nguyễn Thanh S làm Giám đốc đã 02 lần chuyển trả vào số tài khoản: 42810000009402 của ông B tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hùng Vương, cụ thể như sau:

- Ngày 29/12/2015, chuyển trả 466.500.000 đồng;

- Ngày 22/01/2016, chuyển trả 250.000.000 đồng.

Như vậy, hiện nay ông T ông không còn nợ ông B khoản tiền nào nữa. Còn đối việc ông B cho rằng ông T còn vay số tiền 230.000.000 đồng vào ngày 23/6/2016 và đưa ra tờ giấy chỉ có chữ ký của ông T để khởi kiện, thì ông T cho rằng không đúng, vì ông không vay số tiền này của ông B. Ông T cho rằng, đây tờ giấy nháp của ông T để ở bàn làm việc, khi ông B đến chơi ông B đã tự lấy tờ giấy này về để khởi kiện nên ông T không thừa nhận khoản nợ này. Ông T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Toà án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Thanh S, Giám đốc Công ty TNHH xây dựng TH không đến làm việc. Tuy nhiên, vào năm 2018, khi ông Nguyễn Trọng B khởi kiện ông Bùi Thanh T đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng, thì vào ngày 27/9/2023, ông S trình bày nội dung như sau: Do mối quan hệ quen biết với ông Bùi Thanh T nên ông S có vay của ông T số tiền là 1.000.000.000 đồng. Sau đó, giữa ông S và ông T có thỏa thuận với nhau là ông sẽ để cho vợ ông là bà Tạ Thị T chuyển trả thẳng cho ông Nguyễn Trọng B khoản tiền 1.000.000.000 đồng vay trên (Ông đứng ra trả nợ cho ông B thay cho ông T). Việc ông S trả nợ thay cho ông T đã thể hiện qua các giấy chuyển khoản cho ông B và được bà T giao cho kế toán công ty thực hiện và có lần bà T trực tiếp thay ông S chuyển khoản trả ông B. Nay ông B khởi kiện đòi ông T khoản tiền trên thì quan điểm của ông S là ông S đã thay ông T chuyển đủ cho ông B khoản tiền 1.000.000.000 đồng. Giữa ông S và ông B không có quan hệ vay mượn gì. Ông S đề nghị Tòa án xác nhận đã trả hết nợ cho ông B thay ông T và buộc ông T phải trả lại các giấy biên nhận vay tiền giữa ông S và ông T.

- Ngày 04/11/2022, Thẩm phán tiến hành lấy lời khai của bà Tạ Thị T, là vợ ông S. Bà T cho biết: Vợ chồng bà không vay tiền của ông B mà vợ chồng bà chỉ quen biết và quan hệ bạn bè với ông Bùi Thanh T, vợ chồng bà có vay tiền của ông T và theo ông T nói là ông T vay hộ tiền cho vợ chồng bà của ông Nguyễn Trọng B cho nên những lần trả tiền cho ông T thì vợ chồng bà trả thẳng luôn cho ông B qua tài khoản của ông B tại ngân hàng và trả tiền mặt cho ông T. Vợ chồng bà chuyển trả tiền cho B qua tài khoản ngân hàng và được đứng tên người trả là bà T và đứng tên Công ty CP xây dựng TH trả. Vì thời gian lâu nên bà T không nhớ thời gian cụ thể và số tiền cụ thể khi trả cho ông B. Nay bà T xác định vợ chồng bà không còn nợ tiền của ông T nữa. Việc bà T và Công ty TH đứng ra để trả tiền vào tài khoản

của ông B với mục đích là để trả hộ ông T chứ vợ chồng bà và công ty TH không vay bất kỳ khoản tiền nào đối với ông B cả.

- Chị Lê Thị Thu H trình bày: Chị H là cháu họ của ông Bùi Thanh T; giữa chị và ông B không có quan hệ quen biết gì và không có quan hệ gì về tiền nong với nhau cả. Ngày 10/3/2017, ông T vay của chị số tiền là 290.000.000 đồng, khi vay ông T nói vay để trả tiền cho ông Nguyễn Trọng B, ông T bảo chị chuyển luôn số tiền 290.000.000 đồng vào tài khoản của ông B tại ngân hàng BIDV; vì là người trong nhà nên chị nhất trí cho ông T vay và chị đã chuyển số tiền này vào thẳng tài khoản của ông B tại ngân hàng BIDV, khi chuyển chị có ghi nội dung là chuyển tiền ông T vay trả cho ông B. Sau đó một thời gian ông T đã trả cho chị H xong số tiền vay là 290.000.000 đồng, hiện nay ông T còn nợ tiền của chị H nữa. Ngoài ra, phía chị H xin được xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

[1]. Căn cứ vào: Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2]. Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng B về việc đề nghị bị đơn là ông Bùi Thanh T phải trả số tiền vay nợ gốc với tổng số tiền là: 1.091.000.000 đồng (*Một tỷ, không trăm chín mươi một triệu đồng*) và tiền lãi suất là: 628.976.200 đồng (*Sáu trăm hai mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm đồng*). Tổng cộng tiền vay nợ gốc và tiền lãi suất là: 1.719.976.200 đồng (*Một tỷ, bảy trăm mười chín triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm đồng*).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 10/10/2023 ông Nguyễn Trọng B – Là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng B và người đại diện theo ủy quyền của ông B, ông Hồ Văn P rút yêu cầu kháng cáo đối với khoản tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và xác định ông Bùi Thanh T còn phải trả cho ông số tiền gốc là 281.000.000đ và tính theo lãi suất quy định của pháp luật (tính từ ngày khởi kiện là ngày 14/9/2021). Đồng thời ông Nguyễn Trọng B rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung số tiền 1.049.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DSST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ về tiền trả nợ gốc, lãi và án phí trên số tiền được chấp nhận.

Đình chỉ giải quyết đối với số tiền theo đơn khởi kiện là 1.049.000.000đ.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Ngày 10/10/2023 ông Nguyễn Trọng B có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét lại Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là hợp lệ, trong hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trọng B đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về các khoản vay: Ngày 25/11/2015, ông T có vay số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và tiếp đến ngày 01/12/2015 ông T có vay số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng của ông Nguyễn Trọng B là có thật, việc này được thể hiện tại giấy vay tiền và cũng được hai bên thừa nhận. Theo nội dung của giấy vay tiền các bên không cam kết thời hạn trả nợ và không thỏa thuận về lãi suất, hình thức vay là tín chấp.

Về khoản nợ 230.000.000 đồng mà ông B đòi ông T theo tờ giấy có đề ngày 23/6/2016, ông T không thừa nhận khoản nợ này: Hội đồng xét xử xét thấy: Ông B xuất trình một tờ giấy A4 trên có ghi nội dung: 23/6/2016, nhận 230.000.000đ và ký ghi họ tên Bùi Thanh T, xét thấy với nội dung trên không thể hiện là giấy vay nợ, không có tên người cho vay, ngoài ra, ông B không đưa ra thêm được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với khoản vay 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng này giữa ông B và ông T. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận khoản vay này. Hơn nữa tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng B và người đại diện theo ủy quyền của ông B, ông Hồ Văn P rút yêu cầu kháng cáo đối với khoản tiền 230.000.00đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Như vậy, cần xác định ông T có vay của ông B khoản tiền là 1.100.000.000đ (Một tỷ, một trăm triệu đồng).

Về việc trả các khoản vay giữa ông T và ông B:

Tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng B thừa nhận ông T đã trả cho ông 239.000.000đ trong tổng số tiền ông khởi kiện (Trong đó có 50.000.000đ của bà T vợ ông S chuyển khoản và 150.000.000đ ông T trả bằng tiền mặt tại quán café). Như vậy, theo phân tích trên thì ông T chỉ vay ông B khoản tiền 1.100.000.000đ – 239.000.000đ = 861.000.000đ.

Tài liệu là bảng sao kê đối với giao dịch của số tài khoản 4281000009402 của ông Nguyễn Trọng B có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 10/3/2017, chị Lê Thị Thu H trả ông B 290.000.000 đồng (BL 94), với nội dung Lê Thị Thu H chuyển tiền Bùi T T vay trả cho ông Nguyễn Trọng B; ngày 04/8/2017 ông T trả ông B 100.000.000 đồng (BL 94), nội dung Bùi T T chuyển tiền; ngày 25/8/2017 ông T trả 170.000.000 đồng (BL 93), nội dung T chuyển tiền; ngày 01/11/2019 ông T trả 20.000.000đ, nội dung chuyển tiền. Tổng là 580.000.000đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng). Do vậy, cần xác định ông Bùi T T đã trả được cho ông Nguyễn Trọng B khoản tiền với tổng số: 239.000.000đ + 580.000.000đ = 819.000.000đ (Tám trăm mười chín triệu đồng).

Ông Bùi Thanh T cho rằng Công ty cổ phần xây dựng TH đã thay ông trả hết số tiền nợ theo đơn khởi kiện của ông B là 1.00.000.000đ (Một tỷ đồng). Xét thấy:

Theo ông Bùi Thanh T và ông Nguyễn Thanh S– Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng TH trình bày Công ty cổ phần xây dựng TH không có quan hệ vay nợ gì đối với ông Nguyễn Trọng B, nhưng trên bảng sao kê tài khoản của ông Nguyễn Trọng B số tài khoản 4281000009402 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Hùng Vương lưu trong hồ sơ *thể hiện thời điểm trước khi ông Bùi Thanh T vay ông Nguyễn Trọng B khoản tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng)* là ngày 01/12/2015, thì Công ty cổ phần xây dựng TH đã có nhiều lần chuyển tiền trả nợ ông Nguyễn Trọng B, cụ thể: Ngày 06/11/2015 Công ty cổ phần xây dựng TH có hai lần chuyển tiền cho ông Nguyễn Trọng B lần 1 vào hồi 10:08:46 với số tiền: 460.000.000đ, lần hai vào hồi 11:51:11 với số tiền là 455.000.000đ; ngày 10/11/2015 Công ty cổ phần xây dựng TH chuyển tiền cho ông Nguyễn Trọng B số tiền 441.500.000đ nội dung Công ty cổ phần xây dựng TH trả tiền (BL 100). Như vậy, việc ông Nguyễn Thanh S trình bày không vay ông Nguyễn Trọng B khoản tiền nào, không liên quan đến việc vay nợ của ông Nguyễn Trọng B là không có căn cứ.

Đối với khoản tiền Công ty cổ phần xây dựng TH chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Trọng B vào ngày 22/01/2016 Công ty cổ phần xây dựng TH chuyển vào tài khoản ông B 250.000.000đ nội dung Công ty cổ phần xây dựng TH trả tiền nhân công, không phải là trả nợ; ngày 29/12/2015 Công ty cổ phần xây dựng TH chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Trọng B :466.500.000đ nội dung Công ty cổ phần xây dựng TH trả tiền (BL 99) mà không ghi trả cho khoản nợ nào hay trả hộ ai. Ngoài ra không có tài liệu nào chứng minh việc trả tiền trên là trả nợ thay, do vậy, không đủ cơ sở để khẳng định đó là tiền mà Công ty cổ phần xây dựng TH thay ông Bùi Thanh T trả ông Nguyễn Trọng B. Do đó, cần xác định số tiền Công ty cổ phần xây dựng TH chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Trọng B không phải là khoản tiền trả nợ hộ ông Bùi Thanh T.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng B trình bày ông xác định ông Bùi Thanh T hiện còn nợ ông số tiền gốc là 281.000.000đ (Hai trăm tám mươi một triệu đồng). Ông Nguyễn Trọng B rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền theo đơn khởi kiện là 1.049.000.000đ (Một tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Từ những phân tích nêu trên, cần xác định, hiện nay ông Nguyễn Thanh T còn nợ ông Nguyễn Trọng B số tiền là: 281.000.000đ (Hai trăm tám mươi một triệu đồng).

[2.2]. Đối với lãi suất: Trong Hợp đồng vay tiền không thể hiện lãi suất. Tại phiên tòa hai bên đương sự đều trình bày vay có lãi nhưng không xác định được tiền lãi theo như thỏa thuận. Do vậy, tính theo quy định của Bộ luật dân sự lãi tính 10%/năm.

Lãi suất được tính như sau: Từ 14/9/2021 đến ngày 8/5/2024 (ngày 14/9/2021 là ngày ông Nguyễn Trọng B khởi kiện, cho đến ngày xét xử phúc thẩm là ngày 8/5/2024). Thời hạn là 967 ngày sẽ là: 281.000.000đ x 10%/năm x 967 ngày = 74.445.700đ (Bảy mươi tư triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng).

Như vậy, ông Bùi Thanh T phải toán cho ông Nguyễn Trọng B tổng số tiền là: tiền gốc 281.000.000đ + tiền lãi 74.445.700đ = 355.445.700đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng).

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trọng B. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS- ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Trọng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí theo quy định, tuy nhiên ông Nguyễn Thanh T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Trọng B. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS- ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 148; Điều 217, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2]. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng B về việc đề nghị bị đơn là ông Bùi Thanh T phải trả số tiền vay nợ là: : tiền gốc 281.000.000đ + tiền lãi 74.445.700đ = 355.445.700đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3]. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền theo đơn khởi kiện là 1.049.000.000đ (Một tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu đồng)

[4]. Về án phí:

Ông Nguyễn Trọng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm theo quy định. Hoàn trả ông B số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 22.630.000đồng (Hai mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0009254 ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005553 ngày 16/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Ông Bùi Thanh T được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND TP. Việt Trì;
- Chi cục THADS TP. Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền